

Đơn vị tính: Nghìn đồng

NỘI DUNG	Mã nguồn n NS	TỔNG HỢP PHÂN BỐ LẠI DỰ TOÁN NS NĂM 2026				TRUNG TÂM GDNN-GDTX ĐIỆN BIÊN				GHI CHÚ
		Phân bổ lại dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			Phân bổ lại dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm		Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm	
I. Thu chi ngân sách về phí lệ phí										
1. Số thu										
2. Số thu nộp Ngân sách										
3. Số thu được để lại chi										
II. Dự toán chi NSNN		16.627.385,428	508.920,344	13.437.768,484	2.680.696,600	16.627.385,428	508.920,344	13.437.768,484	2.680.696,600	
Tổng số chi		16.627.385,428	508.920,344	13.437.768,484	2.680.696,600	16.627.385,428	508.920,344	13.437.768,484	2.680.696,600	
1. Sự nghiệp Giáo dục		16.147.038,684	28.573,600	13.437.768,484	2.680.696,600	16.147.038,684	28.573,600	13.437.768,484	2.680.696,600	
Trong đó										
1.1.Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	13	17.073,600	17.073,600			17.073,600	17.073,600			
1.2.Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	12	16.129.965,084	11.500,000	13.437.768,484	2.680.696,600	16.129.965,084	11.500,000	13.437.768,484	2.680.696,600	
Trong đó:										
Kinh phí chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương, chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, các khoản chi khác	12	7.456.422,884	-	7.456.422,884	-	7.456.422,884		7.456.422,884	-	
+ Trong đó: Đã bao gồm kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	12	109.800,000	-	109.800,000	-	109.800,000		109.800,000	-	
+ Kinh phí tiết kiệm thêm 10% bổ sung nguồn chi an sinh xã hội	12	109.800,000	-	109.800,000	-	109.800,000		109.800,000	-	
Tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP	12	360.833,200	-	360.833,200	-	360.833,200		360.833,200	-	
Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/ND-CP	12	28.240,000	-	28.240,000	-	28.240,000		28.240,000	-	

PHÂN BỐ LẠI
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 971 /QĐ-SGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2026)

NỘI DUNG	Mã nguồn n NS	TỔNG HỢP PHÂN BỐ LẠI DỰ TOÁN NS NĂM 2026				TRUNG TÂM GDNN-GDTX ĐIỆN BIÊN				GHI CHÚ
		Phân bổ lại dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			Phân bổ lại dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm		Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm	
Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	12	550.850,000	-	550.850,000	-	550.850,000		550.850,000	-	
Hỗ trợ học sinh thôn, xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP	12	4.841.768,000	-	4.841.768,000	-	4.841.768,000		4.841.768,000	-	
Hỗ trợ cho người khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT	12	47.291,000	11.500,000	35.791,000	-	47.291,000	11.500,000	35.791,000		
Hợp đồng giáo viên thỉnh giảng	12	108.863,400	-	108.863,400	-	108.863,400		108.863,400	-	
Gia hạn phần mềm Kế toán MiSa	12	10.000,000	-	10.000,000	-	10.000,000		10.000,000	-	
Phần mềm quản lý tài sản	12	19.000,000	-	19.000,000	-	19.000,000		19.000,000	-	
Phần mềm quản lý cán bộ	12	26.000,000	-	26.000,000	-	26.000,000		26.000,000	-	
Hỗ trợ HS bán trú ôn thi tốt nghiệp THPT năm học 2025-2026	12	18.696,600	-	-	18.696,600	18.696,600		-	18.696,600	
Kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương	12	2.662.000,000	-	-	2.662.000,000	2.662.000,000		-	2.662.000,000	
2. Chương trình mục tiêu quốc gia		480.346,744	480.346,744	-	-	480.346,744	480.346,744	-	-	
1. Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		349.298,779	349.298,779	-	-	349.298,779	349.298,779	-	-	
Trong đó:	12									
Tiểu dự án 3 của dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết cho người làm cho người lao động vùng DTTTS&MN (NSDP)	12	33.160,360	33.160,360			33.160,360	33.160,360			

NỘI DUNG	Mã nguồn NS	TỔNG HỢP PHÂN BỐ LẠI DỰ TOÁN NS NĂM 2026				TRUNG TÂM GDNN-GDTX ĐIỆN BIÊN				GHI CHÚ
		Phân bổ lại dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			Phân bổ lại dự toán chi NSNN năm 2026	Trong đó			
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm		Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán bổ sung trong năm	
Tiểu dự án 3 của dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết cho người làm cho người lao động vùng DTTTS&MN (NSTW)	12	316.138,419	316.138,419			316.138,419	316.138,419			
2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững		131.047,965	131.047,965	-	-	131.047,965	131.047,965	-	-	
Trong đó										
Tiểu dự án 1 của dự án 4: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (NSTW)	12	131.047,965	131.047,965			131.047,965	131.047,965			